

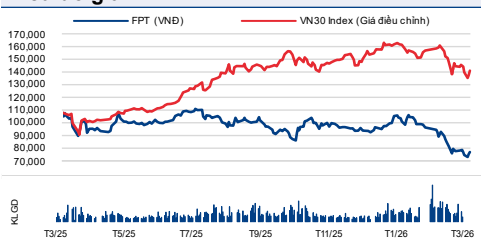
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ113,500
Tiềm năng tăng/giảm: 47.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/3/2026)	77.000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,100-110,945
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	75,167
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	131,172
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,978
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	78,813	88,483
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,883	15,805	17,760
LNTT (tỷ đồng)	13,039	14,992	16,903
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,353	10,583	11,933
FCF (tỷ đồng)	5,038	7,542	9,456
EPS ĐC (đồng)	5,060	5,726	6,456
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	21,418	25,624	29,580
T.trưởng EBITDA (%)	6.44	13.8	12.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	2.92	13.2	12.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	20.1	20.1
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	19.0	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	13.5	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	39.5	34.9	38.7
Nợ thuần/VCSH (%)	31.0	25.3	27.6
ROAE (%)	28.3	26.5	25.4
ROACE (%)	26.2	25.4	24.3
EV/doanh thu (lần)	2.02	1.79	1.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.2	8.94	8.11
P/E ĐC (lần)	15.2	13.4	11.9
P/B (lần)	3.60	3.00	2.60
Lợi suất cổ tức (%)	2.60	2.60	3.25

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

2 tháng đầu năm 2026: Lợi nhuận thuần tăng 16% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- FPT vừa công bố KQKD 2 tháng đầu năm 2026, với LNTT và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 18% và 16% so với cùng kỳ, đạt 1.790 tỷ đồng và 1.600 tỷ đồng. Kết quả này gần như sát với kỳ vọng của HSC, bất chấp doanh thu tăng chậm lại ở mức 7% so với cùng kỳ, đạt 7.932 tỷ đồng.
- Đà tăng trưởng doanh thu trong 2 tháng đầu năm giảm xuống còn 7% chủ yếu do ngừng hợp nhất mảng Viễn thông (vốn có tốc độ tăng trưởng cao) và nhu cầu ở các mảng Giáo dục và Dịch vụ CNTT trong nước tăng chậm lại. Tuy nhiên, LNTT và lợi nhuận thuần vẫn vững chắc nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện ở các mảng Viễn thông/Đầu tư và dịch vụ CNTT trong nước.
- Doanh thu kỳ mới trong 2 tháng đầu năm tăng mạnh ở mức 21% so với cùng kỳ, đạt 10,1 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho đà tăng trưởng doanh thu trong tương lai. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu là 113.500đ.

Sự kiện: Công bố KQKD 2 tháng đầu năm 2026

Ngày 26/3/2026, FPT công bố KQKD 2 tháng đầu năm 2026, phản ánh việc tách hợp nhất FPT Telecom (FOX; FPT nắm giữ 45,66% cổ phần; chưa khuyến nghị) ra khỏi BCTC của tập đoàn. Theo đó, LNTT và lợi nhuận thuần tăng lần lượt 18% và 16,1% so với cùng kỳ, mặc dù doanh thu tăng chậm lại, ở mức 7,2% trong 2 tháng đầu năm 2026. Với kết quả trên, FPT đã hoàn thành lần lượt 13,9% và 15,1% dự báo doanh thu thuần (56.911 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5%) và lợi nhuận thuần (10.602 tỷ đồng, tăng trưởng 15,1%) cho dự phóng năm 2026. Chi tiết như sau:

Đà tăng trưởng doanh thu chững lại ở mức 7,2% trong 2 tháng đầu năm 2026

Doanh thu thuần 2 tháng đầu năm 2026 của FPT đạt 7.932 tỷ đồng (tăng 7,2% so với cùng kỳ), do doanh thu của mảng Dịch vụ CNTT trong nước và Giáo dục tăng chậm lại. Yếu tố chính làm đà tăng trưởng doanh thu chững lại là việc ngừng hợp nhất FOX vào BCTC (doanh thu FOX 2 tháng đầu năm 2026 tăng 11% so với cùng kỳ, đạt 3.377 tỷ đồng).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 26/3.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD 2 tháng đầu năm 2026, FPT

Mặc dù tốc độ tăng trưởng của doanh thu giảm, nhưng lợi nhuận thuần tích cực khi tăng trưởng 16,1%

Tỷ đồng	2T25	2T26	svck	2026F	Tăng trưởng	% hoàn thành
Doanh thu	7,396	7,932	7.2%	56,911	12.5%	13.9%
CNTT	6,194	6,822	10.1%	51,129	15.0%	13.3%
Toàn cầu	5,263	5,891	11.9%	40,416	14.2%	14.6%
Trong nước	931	931	0.0%	10,713	17.8%	8.7%
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	1,202	1,110	-7.7%	5,782	-5.7%	19.2%
LNTT	1,517	1,790	18.0%	10,790	16.7%	16.6%
CNTT	840	996	18.6%	6,862	16.6%	14.5%
Toàn cầu	862	942	9.3%	6,305	15.3%	14.9%
Trong nước	(22)	54	345.5%	557	33.9%	9.7%
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	677	794	17.3%	4,935	16.8%	16.1%
Lợi nhuận thuần	1,378	1,600	16.1%	10,602	15.1%	15.1%

Nguồn: FPT, HSC

Mặc dù đã tăng trưởng doanh thu hợp nhất chứng lại do ngừng hợp nhất doanh thu của FOX (vốn có tốc độ tăng trưởng cao), nhưng hiệu quả hoạt động của mảng kinh doanh cốt lõi của FPT có điều kiện được đánh giá rõ ràng hơn trong bối cảnh thị trường đang gặp nhiều khó khăn.

- Đối với **mảng Công nghệ**, doanh thu tăng 10,1% so với cùng kỳ lên 6,8 nghìn tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm 2026, bao gồm mức tăng trưởng 11,9% của mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài và mức tăng 0% (đi ngang) của mảng Dịch vụ CNTT trong nước.
- **Xét theo khu vực**, Nhật Bản vẫn là động lực tăng trưởng chính, với mức tăng trưởng doanh thu 24,4% trong 2 tháng đầu năm 2026, đạt 2.698 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu từ các thị trường ngoài Nhật Bản chỉ tăng khiêm tốn 3,2%, đạt 3.193 tỷ đồng. Như vậy, thị trường Nhật Bản đóng góp 45,8% tổng doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài trong 2 tháng đầu năm 2026, so với mức 41,2% của cùng kỳ năm 2025 và 43,7% của cả năm 2025.
- **Doanh thu kỷ mới là điểm sáng trong KQKD 2 tháng đầu năm 2026.** Trong 2 tháng đầu năm, số lượng hợp đồng chưa triển khai của FPT đạt mức vững chắc, với giá trị 10.073 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ. Chúng tôi đánh giá đà tăng trưởng tích cực của doanh thu kỷ mới là một minh chứng rõ ràng cho khả năng phục hồi và năng lực cạnh tranh của FPT. Bất chấp môi trường toàn cầu đầy thách thức và ngân sách CNTT bị thắt chặt, công ty vẫn tiếp tục chứng minh khả năng vượt trội so với các công ty cùng ngành và giữ vững lộ trình tăng trưởng doanh thu lành mạnh trong tương lai.
- Đối với **mảng Giáo dục**, doanh thu trong 2 tháng đầu năm 2026 giảm 7,7% so với cùng kỳ xuống còn 1.110 tỷ đồng, do tình hình cạnh tranh gay gắt ở phân khúc Cao đẳng nghề và Đại học diễn ra trong thời gian dài. Mặc dù doanh thu sụt giảm nhưng vẫn sát với kỳ vọng của chúng tôi (dự báo doanh thu cả năm 2026 giảm 5,7%).

Lợi nhuận thuần vẫn vững chắc, LNTT/lợi nhuận thuần tăng 18%/16%

Mặc dù doanh thu thuần tăng chậm lại, lợi nhuận thuần của FPT tiếp tục tăng trưởng vững chắc, với LNTT tăng 18% so với cùng kỳ đạt 1.790 tỷ đồng và lợi nhuận thuần tăng 16,1% lên 1.600 tỷ đồng. Kết quả này gần như sát với kỳ vọng của chúng tôi. Trong đó:

LNTT mảng Công nghệ tăng 18,6% so với cùng kỳ lên 996 tỷ đồng, bao gồm mức tăng trưởng 9,3% của mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài và mức tăng trưởng đột biến 346% của mảng Dịch vụ CNTT trong nước. Với kết quả trên, tỷ suất LNTT trong 2 tháng đầu năm của mảng Công nghệ đạt 14,6%, cao hơn mức 13,6% của cùng kỳ năm 2025 nhờ mảng Dịch vụ CNTT Trong nước có chuyển biến lợi nhuận. Mặt khác, chúng tôi nhận thấy tỷ suất LNTT của mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài chịu áp lực tạm thời trong 2 tháng đầu năm, giảm xuống còn 16% so với mức 16,4% của cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do đồng yên liên tục mất giá và chi phí khấu hao của hạ tầng cho dự án AI Factory bắt đầu được ghi nhận từ Q2/2025 theo kế hoạch.

LNTT của Mảng Giáo dục, Viễn thông và Đầu tư đạt 794 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ, tương ứng với tỷ suất LNTT 71,5%, cải thiện mạnh so với mức 56,3% của cùng kỳ năm 2025, nhờ cải thiện hiệu quả hoạt động của mảng Viễn thông và Đầu tư.

Trong đó, FPT đã ghi nhận khoản lợi nhuận thuần 273 tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm, tăng 28,9% so với cùng kỳ từ 45,66% cổ phần tại FOX. Khoản lợi nhuận này đóng góp 17,1% tổng lợi nhuận thuần của FPT (cao hơn so với mức đóng góp 15,4% của cùng kỳ năm 2025).

Nhìn chung, sự mở rộng tỷ suất lợi nhuận của mảng dịch vụ CNTT trong nước, Viễn thông và Đầu tư đã bù đắp hoàn toàn cho đà sụt giảm của tỷ suất lợi nhuận mảng dịch vụ CNTT nước ngoài. Do đó, tỷ suất lợi nhuận trước thuế 2

tháng đầu năm của FPT mở rộng lên 22,6% (2 tháng đầu năm 2025: 20,5%) và tỷ suất lợi nhuận thuần đạt 20,2% (2 tháng đầu năm 2025: 18,6%).

Duy trì khuyến nghị Mua vào, giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Sau khi giá cổ phiếu giảm 14% trong 1 tháng qua, FPT hiện đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13 lần, thấp hơn nhiều so với bình quân 3 năm ở mức 19 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 113.500đ (tiềm năng tăng giá 47%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu dịch vụ CNTT toàn cầu, FPT

Nhật Bản tiếp tục là động lực tăng trưởng trong 2 tháng đầu năm 2026

Tỷ đồng	2T25	2T26	Svck
Nhật Bản	2,169	2,698	24.4%
Các nước khác	3,094	3,193	3.2%
Dịch vụ CNTT toàn cầu	5,263	5,891	11.9%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận, FPT

Tỷ suất lợi nhuận của các mảng kinh doanh đều mở rộng từ dịch vụ CNTT toàn cầu

Tỷ suất lợi nhuận	2T25 điều chỉnh	2T26
Tỷ suất LNTT	20.5%	22.6%
CNTT	13.6%	14.6%
Toàn cầu	16.4%	16.0%
Trong nước	-2.4%	5.8%
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	56.3%	71.5%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	18.6%	20.2%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 4: Doanh thu từ các hợp đồng đã ký, FPT

2 tháng đầu năm 2026 tiếp diễn đà tăng trưởng mạnh, tăng 21% so với cùng kỳ lên 10,1 nghìn tỷ đồng

Tỷ đồng	1Q24	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	4Q25	2M26
Giá trị HĐ mới	9,845	9,175	6,657	7,317	11,505	8,404	9,454	11,273	10,073
So với cùng kỳ	-3%	89%	17%	-19%	17%	-8%	42%	54%	21%
So với quý trước	9%	-7%	-27%	10%	57%	-27%	12%	19%	

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	78,813	88,483	99,870
Lợi nhuận gộp	23,698	25,895	29,262	32,339	35,898
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,912)	(16,560)	(18,338)	(20,557)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	393	658	702	874	985
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	103	116	131
LN TT	11,070	13,039	14,992	16,903	19,047
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	(2,125)	(2,336)	(2,504)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,369	10,602	11,953	13,544
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,353	10,583	11,933	13,520
EBITDA ĐC	13,044	13,883	15,805	17,760	19,890
EPS (đồng)	4,917	5,060	5,726	6,456	7,314
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,060	5,726	6,456	7,314
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,613	36,817	47,862	62,221
Phải thu khách hàng	11,382	14,401	15,996	17,959	20,270
Hàng tồn kho	1,857	2,167	2,433	2,731	2,996
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,382	1,551	1,741	1,966
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,103	66,534	78,714	93,566
TSCĐ hữu hình	15,334	16,991	17,124	16,958	16,399
TSCĐ vô hình	2,040	1,943	1,867	1,730	1,514
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	1,321	1,472	1,631
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	3,760	3,948	4,146
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,315	5,871	6,114	6,514
Tổng tài sản dài hạn	26,464	29,987	29,943	30,222	30,204
Tổng cộng tài sản	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	18,915	20,351	21,971
Phải trả người bán	4,424	3,837	4,307	4,836	5,458
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,593	16,383	18,394	20,761
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,553	42,921	47,303	52,391
Nợ dài hạn	501	1,904	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	199	239	286	344
Nợ dài hạn khác	315	277	311	349	394
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,380	1,549	1,635	1,737
Tổng nợ phải trả	36,272	44,338	44,471	48,938	54,129
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,486	43,652	50,390	58,592
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	8,355	9,608	11,049
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,751	52,007	59,998	69,641
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
BVPS (đ)	20,253	21,418	25,624	29,580	34,394
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,632	10,533	10,178	12,930	16,858

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Khấu hao	(2,535)	(2,900)	(3,103)	(3,758)	(4,548)
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,147)	(2,013)	(1,310)	(1,456)
Khác	(125)	(2,040)	(1,847)	(2,274)	(2,840)
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,189	11,164	13,473	15,184
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,151)	(3,623)	(4,017)	(4,457)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,705)	(7,383)	(11,233)	(14,556)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	2,759	3,284	4,161
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,660)	(8,247)	(11,967)	(14,852)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	(313)	1,436	1,620
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(3,720)	(2,823)	(2,639)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,540	9,737	8,421
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,331	(803)	(1,317)	(2,307)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	7,542	9,456	10,727

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	37.1	36.5	35.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	20.1	20.1	19.9
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	13.5	13.5	13.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	15.1	15.5	15.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	12.4	12.3	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.44	13.8	12.4	12.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	2.92	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	17.8	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	39.5	34.9	38.7	34.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.5	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	25.4	24.3	23.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.85	0.86	0.86
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.93	0.88	0.96	0.99
Số ngày tồn kho	17.3	17.9	17.9	17.8	17.1
Số ngày phải thu	106	119	118	117	116
Số ngày phải trả	41.2	31.7	31.7	31.4	31.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	31.0	25.3	27.6	30.6
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.8	21.5	20.5	19.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.31	1.26	1.21
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.55	1.66	1.79
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.89	2.02	1.79	1.63	1.48
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.12	10.2	8.94	8.11	7.44
P/E (lần)	15.7	15.2	13.4	11.9	10.5
P/E ĐC (lần)	17.9	15.2	13.4	11.9	10.5
P/B (lần)	3.80	3.60	3.00	2.60	2.24
Lợi suất cổ tức (%)	2.60	2.60	2.60	3.25	3.25

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn